

LAB 7

MỤC TIÊU:

Kết thúc bài thực hành này bạn có khả năng

- ✓ LINQ To Object
- ✓ LINQ To Sql

Bài 1 (4 điểm)

Sử dụng Linq To Object thực hiện các công việc sau

a/ Cho mảng `int[] n1 = new int[10] { 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 }`; - Viết chương trình xuất bình phương các số chẵn > 4

b/ Viết chương trình nhận vào một chuỗi ký tự, xuất ra màn hình số lần xuất hiện của từng ký tự trong chuỗi:

```
Input the string : Fpoly
The frequency of the characters are :
Character F: 1 times
Character p: 1 times
Character o: 1 times
Character l: 1 times
Character y: 1 times
Press any key to continue . . .
```

c/ Viết chương trình nhận vào một chuỗi ký tự có các chuỗi con có viết hoa, xuất ra màn hình các chuỗi con được viết hoa

```
-----
Input the string : FPOLY Hcm cs
The UPPER CASE words are :
FPOLY
```

Gợi ý: kiểm tra một chuỗi con có được viết hoa tất cả các ký tự hay ko?

```
static IEnumerable<string> WordFilt(string mystr)
{
    var upWord = mystr.Split(' ')
        .Where(x => String.Equals(x, x.ToUpper(),
            StringComparison.Ordinal));

    return upWord;
}
```

Sử dụng trong main:

```
Console.Write("\nLINQ : Find the uppercase words in a string : ");
Console.Write("\n-----\n");

string strNew;

Console.Write("Input the string : ");
strNew= Console.ReadLine();

var ucWord = WordFilt(strNew);
Console.Write("\nThe UPPER CASE words are :\n ");
foreach (string strRet in ucWord)
{
    Console.WriteLine(strRet);
}
```

Bài 2 (4 điểm)

Sử dụng Linq To Sql và cơ sở dữ liệu Northwind thực hiện các yêu cầu sau:

- Xuất ra màn hình các thông tin ContactName trong table Customers và ShipName trong bảng Orders
- Thêm một dòng dữ liệu vào bảng Customers với dữ liệu CustomerID="Fpoly" và CompanyName = "FPT"

c/ Cập nhật CompanyName = “FE” tại CustomerID=”Fpoly”

d/ Xóa dòng có CustomerID=” ALFKI”

Bài 3 (2 điểm)

Giảng viên cho thêm